

AN LẠC TẬP

Thích Đạo Xước biên soạn.

QUYỂN HẠ

PHẦN 4

Trong phần thứ tư này gồm có ba nội dung chính:

- Dựa vào Tam tạng Pháp sư ở Trung Quốc, cùng các vị Đại đức ở đây, đều xét kỹ ở trong Thánh giáo, tán thán quy hướng về Tịnh độ. Nay lấy đó để khuyến tấn quy hướng theo.

- Căn cứ vào các kinh thuộc Tịnh độ và các bộ kinh Đại thừa, thì sự tu nhập của phàm Thánh, phần nhiều lấy niệm Phật Tam-muội làm môn trọng yếu.

- Vấn đáp giải thích: Nói người niệm Phật được nhiều công đức lợi ích, không thể nghĩ bàn.

I. Nội Dung Thứ Nhất:

Y vào chỗ sở hành quả chư vị đại đức ở đây và Trung Quốc, tôi chỉ biết đưa quạt che mặt vào tường, há lại dám tự thị. Chỉ vì lúc đi tham học, tôi được thừa giáo của chư sư. Đó là ai? Là Tam Tạng Lưu Chi, là một vị Pháp sư Đại thừa của Trung Quốc. Kế đến thì có Đại đức xa tránh các điều danh lợi là Tuệ Sùng Pháp sư. Kế đến là các vị Đại đức thường diễn pháp, mỗi lần đều cảm được Thánh tăng đến nghe, thì có Pháp sư Đạo Tràn, tiếp theo thì có Đại đức Hòa Quang Cô Đậu. Cả hai nước đều ngưỡng mộ thì có Pháp sư Đàm Loan. Lại có vị Đại đức thiên quán đều nổi bật là Đại Hải Thiên sư. Kế đến thì có Đại đức thông tuệ giữ giới, thì có Tê Triều Thượng Thống. Nhưng sáu vị Đại đức trước đều là những bậc Thần cảnh nhị đế, chính là giềng mối của Đạo pháp, chí hạnh đều thù thắng, xưa nay thật ít có. Chư vị đều thông suốt Đại thừa, cùng tán thán việc quy hướng Tịnh độ, đó là Vô thượng yếu môn.

Hỏi: Đã nói các Đại đức đó tán thán việc quy hướng Tịnh độ là yếu môn, vậy chẳng biết lúc lâm chung, các vị Đại đức đó có chứng

nghiệm được không?

Đáp: Tất cả đều có, không hề hư dối. Như Pháp sư Đàm Loan, bình thường đều chuyên tu Tịnh độ. Mỗi khi có người quở trách Pháp sư rằng: “Mười phương chư Phật đều là cõi Phật thanh tịnh, Pháp sư sao chỉ cầu về Tây phương, há chẳng phải là thiên kiến sao?”

Pháp sư đáp:

- Ta đã là phàm phu, trí tuệ cạn kiệt, chưa đắc quả vị, cho nên cần niệm Phật cho đều. Cũng như đàn trâu ăn cỏ đều buộc tâm vào trong máng cỏ, lẽ nào buông lung thì làm sao có chỗ quy về.

Tuy là có sự phân vân khó giải, nhưng Pháp sư vẫn quyết định tu niệm cầu sinh. Bất kể là tăng hay tục, mỗi khi gặp Pháp sư đều được Ngài khuyến hóa. Nếu người chưa sinh chánh tín, khuyến cho họ được phát sinh. Nếu đã sinh chánh tín rồi, đều khuyên quy về Tịnh quốc. Cho nên, Pháp sư khi lâm chung, hai bên chùa, hàng đạo tục đều thấy phương hoa ánh sáng chiếu tỏ khắp tự viện. Lại nghe mùi hương lạ, cùng âm nhạc đến nghênh tiếp, ngài liền được vãng sinh. Các vị Đại đức khác, khi lâm chung đều có ứng hiện điềm lành. Nếu muốn nói rõ hết các tướng vãng sinh này thì đều chẳng thể nghĩ bàn.

II. Nội Dung Thứ Hai:

Các kinh điển phần nhiều đều lấy niệm Phật Tam-muội làm tông. Trong đây có tám ý. Hai ý đầu nói về tướng Tam-muội; sáu ý sau chính là duyên y vào tướng mà rõ niệm Phật Tam-muội.

1) Căn cứ vào kinh Hoa Thủ.

Phật bảo Bồ-tát Kiên Ý: Tam-muội có hai loại:

- Nhất tướng Tam-muội.

- Chúng tướng Tam-muội.

Nhất tướng Tam-muội là có Bồ-tát nghe ở thế gian đó, có Đức Phật hiện nay đang thuyết pháp. Bồ-tát giữ lấy Phật tướng, ở trước mặt Phật, hoặc ngồi nơi đạo tràng, hoặc chuyển pháp luân, đại chúng cùng vây quanh. Giữ tướng như thế, thì thân nhiếp hết các căn, tâm không tán loạn, chuyên niệm một vị Phật, không xả bỏ duyên. Bồ-tát như thế, đối với tướng Như Lai và tướng thế giới là hiểu, là không có tướng. Thường quán như thế, hành như thế không lìa, đó là duyên. Khi đó, Phật tượng đang hiện tiền ở trước mặt, liền vì đại chúng thuyết pháp.

Bồ-tát lúc này rất sinh lòng kính mộ, nghe giáo pháp đó, hoặc sâu hoặc cạn, càng thêm sự thâm trọng. Bồ-tát trụ vào Tam-muội, nghe thuyết các pháp đều là tướng hoại, nghe rồi liền thọ trì, từ Tam-muội

khởi dậy, vì đại chúng mà diễn thuyết pháp đó.

Phật bảo Kiên Ý: Đó là Bồ-tát nhập vào Nhất tướng Tam-muội môn.

2) Căn cứ kinh Văn-thù Bát-nhã để nói rõ Nhất hạnh Tam-muội.

Bấy giờ Văn-Thù-sư-lợi bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! vì sao gọi là Nhất hạnh Tam-muội?

Phật bảo: Nhất hạnh Tam-muội là nếu có thiện nam, thiện nữ ở nơi trống trải, xả hết loạn tưởng, tùy theo hướng của Phật, đoạn thân chánh niệm, không giữ tướng mạo, chuyên tâm nhất niệm danh hiệu Phật không dừng nghĩ, thì trong niệm đó có thể thấy cả ba đời chư Phật trong quá khứ, hiện tại, vị lai. Vì sao? Vì công đức niệm một vị Phật là vô lượng vô biên, không khác với công đức niệm vô lượng chư Phật. Đó gọi là Bồ tát hành trì Nhất hạnh Tam muội.

3) Căn cứ vào kinh Niết-bàn.

Phật bảo: Nếu người thường luôn tu niệm Phật Tam-muội, thì chư Phật mười phương luôn luôn hiện ra trước mặt

Vì vậy, trong kinh Niết-bàn nói, Phật bảo Bồ-tát Ca-diếp: “Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, thường chí tâm chuyên niệm Phật, dù ở trong núi rừng hay trong thôn xóm; dù là ngày hay đêm, lúc ngồi hay nằm, chư Phật thường hiện ra trước mặt người này, hằng thọ thí của vị này.”

4) Căn cứ kinh Quán và các kinh khác.

Y vào Kinh Quán Vô lượng Thọ Phật và các bộ khác thì nói, muôn hạnh đã tu ấy, hễ luôn hồi hướng phát nguyện, thì không ai là không vãng sinh. Nhưng một hạnh niệm Phật mới là con đường chín yếu. Vì sao? Vì xét lường trong Thánh giáo thì nó có lợi ích cả trước và sau. Nếu muốn sinh thiện khởi hạnh, thì phải tu hết các độ. Như muốn diệt ác tiêu tai, thì tổng trừ hết các chướng. Cho nên trong kinh nói, chúng sinh niệm Phật thì nhiếp tâm không buông xả, khi lâm chung ắt được vãng sinh. Đây chỉ mới là lợi ích ban đầu. Căn cứ y vào kinh Quán Âm Thọ Ký nói: “Phật A-di-đà trụ thế rất lâu, đến muôn kiếp, rồi cũng diệt độ. Khi Phật nhập Niết-bàn, duy chỉ có Quán Âm, Thế Chí trụ trì cõi An lạc để tiếp dẫn chúng sinh mười phương. Thời gian Phật đó khi diệt độ, cũng đồng như trụ thế. Tất cả chúng sinh ở trước Phật kia đều không nhìn thấy Phật; chỉ có ai một lòng chuyên niệm A-di-đà Phật, cầu vãng sinh thì mới thường thấy Phật A-di-đà hiện tiền, không hề diệt độ.” Đây chính là lợi ích chung cuộc vậy. Nếu tu các hạnh môn khác, hồi hướng thì cũng được vãng sinh, nhưng khi Phật diệt độ sẽ có được gặp hay

không gặp. Còn tu môn niệm Phật thì luôn luôn gặp Phật, cho dù đức Phật diệt độ. Cho nên khuyên người đời sau cần nhắc mà tu khiến cho được lợi ích lâu dài.

5) Căn cứ vào kinh Bạt Chu.

Bấy giờ có Bồ-tát Bạt-đà-hòa, nghe ở cõi nước này có Phật A-di-đà, nên thường nghĩ niệm đến Phật. Do sự niệm này nên thấy Phật A-di-đà hiện ra trước mắt, Bồ-tát nhìn thấy Phật liền hỏi:

- Nên hành pháp gì để được sinh về Cực lạc?

Bấy giờ Phật A-di-đà nói với Bồ-tát:

- Muốn sinh về cõi nước ta, thì nên niệm danh hiệu ta chớ cho đứt đoạn, nên niệm thân Phật có ba mươi hai tướng hảo, đầy đủ đức tướng, ánh sáng tỏa chiếu rực rỡ, đoạn chánh không gì bằng.

6) Dựa vào Đại Trí độ luận có ba cách giải thích:

a) Phật là Đấng Pháp Vương Vô Thượng, còn Bồ-tát là Pháp thân. Sự tôn trọng hơn hết, duy chỉ có Đức Phật, cho nên thường phải niệm Phật vậy.

b) Có các Bồ-tát tự nói lên rằng:

- Con từ vô thủy kiếp đến nay, được nhờ Phật trưởng dưỡng nên có Pháp thân này, cùng với trí thân, đại Từ bi thân, mọi thiện định, trí tuệ, vô lượng hạnh nguyện, cũng đều do Phật mà được thành tựu. Để báo ân đó, nên chúng ta luôn nguyện được gần Phật. Cũng như chư đại thần được nhờ ân sủng của vua, thường nghĩ về chủ nhân của mình vậy.

c) Có các Bồ-tát lại nói thế này:

- Chúng ta trong nhân địa tu hành gặp phải ác tri thức, nên đã phỉ báng Bát-nhã, đọa vào ác đạo. Trải qua vô lượng kiếp, tuy tu các hạnh khác, mà vẫn chưa ra được. Cuối cùng, được gặp với Thiện tri thức, còn được dạy cho hành trì niệm Phật Tam-muội, tức liền lúc ấy có thể tiêu trừ các hoặc chướng, được giác ngộ giải thoát. Có được sự lợi ích này, cho nên con nguyện không rời xa Phật.

7) Căn cứ vào kinh Hoa Nghiêm.

Dựa theo kinh Hoa Nghiêm nói: “Thà ở trong vô lượng kiếp, chịu đủ mọi điều thống khổ, ta quyết trọn không xa rời Đức Thế Tôn, không thấy được lực tự tại.”

Lại nói: “Niệm Phật Tam-muội nhất định thấy Phật. Sau khi mạng chung được sinh về cõi Phật. Cho nên, thấy người lâm chung, phải khuyên họ niệm Phật chỉ cho họ tôn tượng Phật để cung kính chiêm ngưỡng.

Lại Đồng tử Thiện Tài đi các phương cầu Thiện tri thức. Ngài đi

đến chỗ Tỳ-kheo Công Đức Vân, mà thưa rằng:

- Bạch Đại sư! Thế nào là tu Bồ-tát đạo, rồi quy về hạnh nguyện Phổ Hiền?

Tỳ-kheo công đức vân bảo Thiện Tài rằng:

- Tôi ở trong biển trí tuệ của Đức Như Lai, duy chỉ biết có một pháp, đó là niệm Phật Tam-muội môn. Vì sao? Ở trong Tam-muội môn này thấy đều có thể quán thấy tất cả chư Phật và quyến thuộc, cõi Phật nghiêm tịnh, có thể khiến cho chúng sinh xa lìa hết điên đảo. Pháp môn niệm Phật Tam-muội đó, ở trong cảnh giới vi tế thấy tất cả cảnh giới tự tại của chư Phật, muôn kiếp không bị điên đảo. Niệm Phật Tam-muội môn đó, có thể khởi lên tất cả Quốc độ của Phật không hề bị hoại diệt. Thấy được tất cả chư Phật, được ba đời không điên đảo.

Lại nói: Phật pháp sâu xa, rộng lớn vô biên, chỗ tôi biết đó, chỉ có một môn niệm Phật Tam-muội; còn vượt qua hết mọi cảnh giới vi diệu khác, thì ta chưa thể biết vậy.

8) Căn cứ vào kinh Hải Long Vương.

Bấy giờ Hải Long vương bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Đệ tử cầu sinh về cõi Tịnh độ của Phật A-di-đà, cần nên tu hạnh gì?

Phật bảo Long vương:

- Nếu muốn sinh về nước Cực Lạc kia, nên hành trì tám pháp. Đó là:

- 1) Thường niệm chư Phật.
- 2) Cúng dường Như Lai.
- 3) Tán thán Thế Tôn.
- 4) Tôn tạo hình tượng Phật, tu các công đức.
- 5) Hồi hướng nguyện vãng sinh.
- 6) Tâm không khiếm nhược.
- 7) Nhất tâm tinh tấn.
- 8) Cầu đạt được trí tuệ chân chánh của Phật.

Phật bảo Long Vương:

- Nếu tất cả chúng sinh có đầy đủ tám pháp này thì thường không xa rời Phật.

Hỏi: Nếu không đủ tám pháp, có được sinh về cõi Phật không?

Đáp: Nhất định được sinh, không nghi ngờ. Vì sao lại biết? Như khi Phật nói kinh Bảo Vân, “Cũng có nói mười hạnh đầy đủ thì được sinh về Tịnh độ, thường không lìa Phật.”

Bấy giờ có Bồ-tát Trừ Cái Chướng bạch Phật:

- Không tu đủ mười hạnh, thì được vãng sinh không?

Phật bảo: Được vãng sinh. Chỉ cần ở trong mười hạnh ấy, hành trì không gián đoạn một hạnh, thì chín hạnh khác cũng được thanh tịnh, chỗ có nghi ngờ!

Lại như trong kinh Đại Thọ Khẩn-na-la Vương có nói:

- Bồ-tát thực hành bốn loại pháp thì thường không lìa Phật. Bốn pháp đó là gì? Đó là:

1) Tự tu pháp thiện, cùng khuyến hóa chúng sinh đều muốn vãng sinh thấy Phật.

2) Tự khuyên và khuyên mọi người cùng vui thích nghe chánh pháp.

3) Tự khuyên và khuyên người phát tâm Bồ-đề.

4) Nhất tâm chuyên chí niệm Phật Tam-muội. Có đầy đủ bốn hạnh này, thì tất cả những nơi sinh ra đều gặp Phật hiện tiền.

Lại trong kinh nói: “Phật nói hành pháp của Bồ-tát có ba mươi hai loại khí: Bồ thí là đại phú khí; Nhẫn nhục là đoan chánh khí, Trì giới là Thánh thân khí; ngũ nghịch bất hiếu là núi đao cây kiếm đầu sồi khí; phát tâm Bồ-đề là thành Phật khí; thường niệm Phật vãng sinh Tịnh độ là kiến Phật khí.”

Lược nêu ra sáu thứ, còn các thứ khác không cần thuật ra. Thánh giáo đã chỉ như thế, hành giả nguyện sinh về, tại sao không thường niệm Phật?

Lại y theo kinh Nguyệt Đăng Tam-muội nói: “Niệm tướng hảo và đức hạnh của Phật, có thể khiến cho các căn bất loạn, tâm phù hợp với pháp không bị mê hoặc, được đa văn trí tuệ như biển. Trí trụ ở trong Tam-muội, nhiếp niệm hành trì, ở chỗ kinh hành, có thể thấy được ngàn ức Đức Như Lai, cũng gặp được vô lượng hằng sa Phật.”

III. Nội Dung Thứ Ba:

Vấn đáp giải thích: Nói rõ về pháp niệm Phật Tam-muội có những thứ lợi ích. Nội dung này có năm nghi vấn cần làm rõ.

Hỏi: Nay nói thường tu niệm Phật Tam-muội, là không hành trì các Tam muội khác?

Đáp: Nay nói thường niệm, cũng không phải là không hành các Tam-muội khác, mà chỉ phần nhiều hành niệm Phật Tam-muội. Cho nên nói, thường niệm chẳng phải là hoàn toàn không hành các Tam-muội khác.

Hỏi: Như khuyên thường niệm Phật Tam-muội, so với các Tam-

muội khác có hơn kém chẳng?

Đáp: Niệm Phật Tam-muội thù thắng chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao lại biết? Như trong Ma-ha-diễn nói: “Các Tam-muội khác chẳng phải là Tam-muội. Vì sao? Hoặc có Tam-muội chỉ có thể trừ tham không thể trừ sân và si. Hoặc có Tam-muội chỉ trừ sân mà không trừ tham và si. Hoặc có Tam-muội chỉ trừ si không thể trừ tham và sân. Hoặc có Tam-muội chỉ trừ chướng hiện tại mà không thể trừ chướng quá khứ, vị lai. Nếu thường tu niệm Phật Tam-muội, thì bất kể là quá khứ, hiện tại, vị lai, tất cả chướng ngại, thấy đều tiêu trừ.”

Hỏi: Người niệm Phật Tam-muội đã có thể tiêu trừ nghiệp chướng, thì được phước, công đức, lợi ích lớn, nhưng không biết có giúp ích gì cho người hành trì được kéo dài tuổi thọ, sống lâu không?

Đáp: Tất nhiên là được. Vì sao? Như trong kinh Duy Vô Tam-muội nói: “Có hai anh em, người anh tin nhân quả, người em không có tín tâm, mà hay khéo biết tướng pháp. Nhân soi vào gương, người em thấy mặt mình hiện tướng sắp chết, không quá bảy ngày nữa. Lúc ấy có một người trí dạy đến hỏi Phật.

Phật bảo: Bảy ngày quả là không sai. Nếu nhất tâm niệm Phật tu giới, thì có thể vượt qua.

Người ấy liền y theo lời dạy của Phật mà nhất tâm buộc niệm. Đến ngày thứ sáu, liền có hai con quỷ đến, chúng nghe có tiếng niệm Phật, nên không tiến vào bắt được, trở về báo với Diêm-la vương.

Diêm vương xem lại sổ bộ rồi bảo:

- Người này do công đức niệm Phật trì giới nên sinh về cõi trời thứ ba (Viêm thiên).”

Lại trong kinh Thí Dụ nói: “Có một trưởng giả nọ không tin tội phước, tuổi đã năm mươi. Bỗng một đêm nằm mộng ông thấy quỷ La-sát cầm thẻ phù đến muốn bắt đi, sợ chết chẳng qua là mười ngày nữa. Người ấy thức giấc, rất là lo sợ. Đến sáng tìm đến nhà thầy Tướng coi mộng. Thầy tướng số bói quẻ rồi nói:

- Quỷ La-sát sẽ bắt đi trong vòng mười ngày nữa.

Người ấy càng sợ hãi hơn nữa, mới tìm đến cầu thỉnh Phật.

Phật bảo: Muốn thoát nạn này, từ nay về sau, chuyên tâm niệm Phật, đốt hương trì giới, đốt đèn treo phướn, tin hướng Tam bảo, thì có thể tránh được.

Người ấy y theo lời Phật dạy, nhất tâm tin hướng. Quỷ La-sát đi đến cửa, thấy công đức tu như vậy, không thể bắt đi được, liền trở về. Người kia nhờ nhân duyên công đức này thọ đến trăm tuổi, khi chết

được sinh lên trời. Lại có một vị trưởng giả, tên là Chấp Trì, hoàn trả giới lại cho Phật, hiện đã bị ác quỷ đánh chết.”

Hỏi: Niệm Phật Tam-muội chỉ có thể đối trị các điều ác, chỉ nhận quả báo thế gian còn đối với quả báo xuất thế vô thượng Bồ-đề có chiêu cảm được không?

Đáp: Được. Vì sao? Như trong kinh Hoa Nghiêm, phẩm Thập Địa nói: “Bắt đầu từ Sơ địa cho đến Thập địa, ở trong mỗi địa đều nói nhập địa gia hạnh đạo địa đầy đủ công đức lợi mình, không trụ vào đạo, rồi kết luận rằng: Chư Bồ-tát tuy tu hành khác, nhưng đều không lìa pháp niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, cúng dường Tam bảo, đầy đủ các thứ phương tiện diệu lạc.” Văn này, chứng tỏ các Bồ-tát, cho đến thượng địa, vẫn thường học niệm Phật, niệm pháp, niệm Tăng, mới có thể thành tựu Vô lượng hạnh nguyện, đầy đủ biển công đức. Huống gì là Nhị thừa, phàm phu cầu sinh Tịnh độ, mà không học niệm Phật! Vì sao? Vì niệm Phật Tam-muội này tức đầy đủ Tứ Nhiếp, Lục Độ, làm bạn đồng hành.

Hỏi: Bồ-tát từ Sơ địa trở lên, cùng chứng lý Chân như đồng như Phật, gọi là sinh tại Phật gia. Tự có thể làm Phật, cứu độ chúng sinh, đâu cần niệm Phật Tam-muội, phát nguyện thấy Phật?

Đáp: Luận về Chân như, thì rộng lớn vô cùng, bằng như hư không, lượng chúng khó tính biết được. Thí như một ngôi nhà lớn tối tăm, nếu chỉ đốt một hai ngọn đèn, thì ánh sáng tuy tỏ chiếu mà không thể sáng hết được. Nếu để nhiều đèn, tuy gọi là đại minh (tỏ sáng) mà sao bằng với ánh sáng mặt trời? Chứng trí của Bồ-tát, đã chứng đắc, tuy so sánh trong từng Địa đều có thứ hạng đáng kể nhưng đâu có thể bằng Phật, như ánh sáng mặt trời.

PHẦN 5

Trong phần thứ năm này có bốn nội dung chính sau:

- Lược nói về sự cần kíp tu đạo để khiến mau chứng quả Bất thoái.
- So sánh giữa Thiền và Tịnh, khuyến khích tin tưởng vãng sinh.
- Nói về hai cảnh Tịnh-ước, cũng gọi là hữu lậu và vô lậu.
- Dẫn kinh giáo chứng minh, khuyến hậu thế tin nguyện vãng sinh.

I. Lược Nói Về Cần Kíp Tu Đạo:

Trong nội dung này gồm có hai ý:

- 1) Nói rõ sự cần kíp phải tu đạo.
- 2) Nếu vấn đáp để giải thích.

Nói đến phải tu đạo cần kíp, tức là tất cả chúng sinh không ai mà không chán khổ cầu vui, sợ ràng buộc cầu giải thoát, đều muốn sớm chứng quả Vô thượng Bồ-đề. Muốn vậy thì trước phải phát tâm Bồ-đề, tâm này khó biết khó khởi. Nếu như đã phát tâm, tùy y theo kinh tu tập mười chủng hạnh, bao gồm: Tín, tấn, niệm, giới, định, tuệ, xả, hộ pháp, phát nguyện, và hồi hướng tiến đến Bồ-đề. Nhưng thân tu đạo, liên tục không ngừng, trải qua một vạn kiếp, mới chứng quả vị Bất thoái. Hàng phàm phu ngày nay, niềm tin nhẹ tựa lông, đó là giả danh, cũng gọi là Bất định tụ, là ngoại phàm phu, chưa ra khỏi nhà lửa.

Làm sao biết được như vậy? Theo kinh Bồ-tát Anh Lạc thì cần phải đầy đủ hạnh vị pháp vị mới nhập đạo, cho nên gọi là nan hành đạo. Lại chỉ lấy trong một kiếp, thọ thân sinh tử còn không thể biết hết, huống chi trong muôn kiếp chịu biết bao khổ họa? Nếu tin Phật kinh, nguyện sinh về Tịnh độ, tùy thọ mạng dài ngắn, một đời liền đến ngôi vị Bất thoái, bằng công đức tu cả vạn kiếp. Chư Phật tử vì sao không suy lường, không bỏ khó mà cầu dễ?

Như trong Câu-xá luận cũng nói rõ hai loại: nan hành, dị hành. Nan hành tức như trong luận nói: “Ở trong ba A-tăng-kỳ kiếp, trong mỗi mỗi kiếp đều có đủ phước trí tư lương, tất cả chư hành, sáu Ba-la-mật. Mỗi hạnh nghiệp đều có trăm vạn đạo nan hành, mới đầy đủ một vị, đó là nan hành đạo vậy.” Dị hành đạo đó, tức trong luận nói: “Như riêng có phương tiện, có giải thoát, gọi là dị hành đạo.”

Nay đã khuyên quy về Cực lạc, tất cả hạnh nghiệp đều quy hướng về kia. Nếu chuyên tâm nhất chí, thọ mạng tận nhất định sẽ được vãng sinh. Được sinh về Cực lạc rồi, tức là nơi cứu cánh thanh lương, há không phải là dị hành đạo sao? Cần hiểu rõ ý này.

Hỏi: Như nói nguyện sinh về Tịnh độ, phát nguyện rồi thì khi lâm chung sẽ được vãng sinh. Điều đó có Thánh giáo chứng minh không?

Đáp: Để trả lời câu hỏi này thì có bảy chứng cứ được rút ra từ kinh luận:

- 1) Như trong Đại kinh nói: “Phật bảo A-nan: Nếu có chúng sinh, muốn trong đời này thấy Phật Vô Lượng Thọ, nên phát tâm Vô thượng Bồ-đề, tu hành công đức, nguyện sinh về nước kia, tức sẽ được vãng sinh.” Cho nên trong Đại kinh có bài tán thán rằng:

*Như nghe Đức hiệu Phật A-di-đà,
Hoan hỷ tán ngưỡng tâm quy y,
Do nhất niệm được lợi ích lớn,
Thế là đầy đủ công đức bảo.
Giả như lửa tràn khắp đại thiên,
Cũng nên vượt qua nghe Phật danh,
Nghe Phật A-di-đà không thoái chuyển,
Thế nên chí tâm cúi đầu lễ.*

2) Dựa vào Kinh quán, ở trong chín phẩm đều nói, khi qua đời mà chánh niệm thì liền được vãng sinh.

3) Như trong Khởi Tín luận nói: “Dạy chúng sinh quán Chân như bình đẳng nhất thật. Cũng có Bồ-tát mới phát tâm Bồ-đề còn yếu đuối, tự cho là không thể gặp được Phật, thân cận cúng dường, ý muốn thoái chuyển. Nên biết, Như Lai có phương tiện thù thắng, nhiếp hộ người có tín tâm. Nghĩa là lấy nhân duyên chuyên ý niệm Phật, thuận theo nguyện mà được vãng sinh. Vì thường thấy Phật, nên vĩnh viễn xa lìa ác đạo.”

4) Trong kinh Cổ Âm Đà-la-ni nói: “Bấy giờ, Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: Ta nay vì các ông mà diễn nói về thế giới Tây phương an lạc. Hiện nay có Phật hiệu là A-di-đà. Nếu có bốn chúng có thể chánh thọ trì danh hiệu Phật, giữ tâm kiên cố, ghi nhớ không quên, sau mười ngày đêm, trừ bỏ hết sự tán loạn, tinh cần tu tập niệm Phật Tam-muội, nếu có thể niệm niệm không dứt, trong mười ngày liền được vãng sinh, tận mắt thấy Phật A-di-đà.”

5) Theo kinh Pháp Cổ lại nói: “Nếu người khi lâm chung mà không thể tác niệm, chỉ cần biết bên cõi Tây phương có Phật, liền có ý cầu vãng sinh, liền được vãng sinh.”

6) Như trong kinh Thập Phương Tùy Nguyện Vãng Sinh có nói: “Nếu có người khi lâm chung, hoặc sau khi chết bị đọa vào địa ngục, hàng quyến thuộc vì người mất mà niệm Phật, chuyên tụng trai phước, thì người mất đó liền thoát khỏi địa ngục, vãng sinh về Tịnh quốc.”

Huống chi bây giờ mọi người tự mình tu niệm, sao lại không được vãng sinh? Cho nên trong kinh nói rằng: “Hiện tại quyến thuộc vì người mất mà cầu phước, như cúng cho người, ắt sẽ được ăn.”

7) Rộng dẫn chứng từ các kinh như trong kinh Đại Pháp Cổ nói: “Như có thiện nam, thiện nữ nào có thể chuyên tâm xưng danh hiệu chư Phật, thì mười phương chư Phật, tất cả các bậc Thánh hiền thường thấy người này, như hiện ra trước mặt. Vì thế mà kinh này được gọi là “Đại

Pháp Cổ”. Nên biết, người này ở trong mười phương Tịnh độ đều tùy nguyên vãng sinh.”

Lại nữa, trong kinh Đại Bi có nói: “Sao gọi là Đại Bi? Nếu như người chuyên niệm Phật liên tục không gián đoạn, thì khi qua đời, nhất định sẽ được vãng sinh. Nếu cùng khuyên người hành trì niệm Phật, nên biết những người này được gọi là người hành Đại bi vậy.” Cho nên trong kinh Niết-bàn nói: “Phật bảo Đại vương: Nếu như mở kho tàng lớn, bố thí cho tất cả chúng sinh trong một tháng, thì công đức đó không bằng người xưng niệm danh hiệu Phật một câu; công đức ấy rất lớn, không thể suy lường.”

Lại như trong kinh Tăng Nhất A-hàm nói:

Phật bảo A-nan:

- Có chúng sinh nào cúng dường cho hết thảy mọi người trong cõi Diêm-phù-đề này các thứ y phục, thức ăn, ngoại cụ, thuốc thang... thì bì, mọi công đức ấy có nhiều không?

A-nan thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều! Rất nhiều! Không thể đo lường hết được.

Phật bảo A-nan:

- Nếu có chúng sinh thiện tâm liên tục, xưng danh hiệu Phật, thì trong khoảng thời gian vắt một đầu sừa công đức có được còn nhiều gấp bội, không thể đo lường hết được.

Trong Đại Phẩm kinh nói: “Nếu người tán tâm niệm Phật, cho đến khổ hết mà phước cũng không tận. Nếu người rải hoa niệm Phật, nhẫn đến hết khổ, mà phước cũng không tận.” Cho nên biết, niệm Phật được công đức lợi lớn không thể nghĩ bàn. Trong kinh Thập Vãng Sinh và các kinh Đại thừa, đều có văn chứng, không thể dẫn chứng đầy đủ.

II. So Sánh Thiên Và Tịnh ĐỂ Khuyển Tín Vãng Sinh:

Thứ đến so sánh với Thiên quán, khuyên người cầu vãng sinh. Chỉ có người ở cõi uế độ này cảnh loạn tâm tưởng nên khó nhập định cho dù tu đắc cũng chỉ đạt được sự định, phần nhiều thích đắm vị thiên. Lại chỉ có thể hàng phục nghiệp báo, sinh về thượng giới, mạng hết phần nhiều bị thoái chuyển. Cho nên trong Trí Độ luận nói:

*Đa văn trì giới thiên
Chưa đắc pháp vô lậu
Tuy có công đức này
Mà việc chưa thể tin.*

Nếu muốn hưởng về Tây phương tu tập, về cảnh sự thì thanh tịnh sáng suốt, định quán dễ thành, trừ tội nghiệp nhiều kiếp, vĩnh viễn tinh tiến, cứu cánh thanh lương thì, như trong Đại kinh đã nói rõ.

Hỏi: Nếu cảnh giới Tây phương thù thắng, có thể được thiên định chiêu cảm, thì sắc giới thiên này kém, không nên do thiên định chiêu cảm?

Đáp: Nếu luận về nhân tu định, thì thông suốt cả hai. Muốn đạt quả vị Bất thoái chuyển ở cảnh giới kia, thì phải nhờ tha lực hộ trì. Cho nên nói là thù thắng. Cõi này tuy cũng tu định, nhưng chỉ có nhân tự phần, không có tha lực nhiếp hộ, nghiệp hết thì khó tránh bị thoái đọa. Do đó mà nói là không bằng.

III. Nói Về Hai Cõi Tịnh Và Uế, Hữu Lộ Và Vô Lộ:

Nếu luận về cảnh giới ở xứ này, chỉ có ba đường khổ hải, đất thì đầy núi hang sông rạch, cát đá, cây cỏ gai góc, gió to mưa lớn, sấm chớp dậy trời, độc xà thú dữ, tà đạo ác tặc, hỗn loạn phá tán, tam tai làm cho bại hoại. Nói về chánh báo thì có tam độc bát đảo, ưu bi tật đố, đa bệnh đoản mệnh, đói khát nóng lạnh, đầy cả sự ác xấu thật không thể nói hết được. Cho nên gọi là Hữu lộ, thật đáng nhàm chán vậy.

Vãng sinh về cõi Tịnh độ thật là thù thắng. Căn cứ vào Đại kinh nói: “Mười phương chúng trời người chỉ cầu xin về nước kia, đâu đâu cũng đạt được lợi ích an lạc. Vì sao? Vì khi sinh về nước kia, bước đi thì có sen vàng đỡ chân, ngồi thì có bảo tòa. Mỗi khi xuất hiện thì có Đế Thích trước mắt, người thì có Phạm vương theo sau. Tất cả Thánh chúng đều là bạn hữu với ta, Phật A-di-đà là Đại sư của ta; có thể qua lại du hành dưới các hàng cây báu rừng báu. Trong ao tám công đức ta đến rửa chân, thân thì sắc vàng, thọ mạng bằng với Phật, học thì các pháp môn đều tiến, dừng nghỉ thì có Nhị đế hư dung. Mười phương qua lại đều vận đại thần thông, an nghỉ tạm thời thì ngồi trên tam không môn; du hành thì nhập vào con đường tám Chánh đạo; đến thì đến bờ đại Niết-bàn.” Tất cả chúng sinh khi sinh về nước kia, đều chứng được lợi ích này, vì sao ta lại không tư lương, không mau cầu sinh về đây?

IV. Dẫn Kinh Giáo Chứng Thành, Khuyên Hộ Thế Cầu Vãng Sinh:

Căn cứ vào kinh Quán Phật Tam-muội có nói: “Bấy giờ, trong hội có mười phương chư Phật, mỗi vị Phật ngồi trên đài hoa sen, kiết già phủ tọa ở trên không trung hiện ra. Đức Như Lai ở phương Đông hiệu là

Thiện Đức dẫn đầu, bảo với đại chúng:

- Các ông nên biết, ta nhớ từ trong quá khứ vô lượng kiếp, có Phật ra đời tên là Bảo Uy Đức Thượng Vương. Phật khi ra đời cũng như bây giờ, nói pháp Tam thừa. Sau khi Phật diệt độ, trong đời mạt pháp có một vị Tỳ-kheo đem chín người đệ tử, đi đến tháp Phật, lễ bái Phật tượng, thấy có một bảo tượng, trang nghiêm rực rỡ. Chư vị quán rồi thì kính lễ, mắt chiêm ngưỡng không rời, mỗi vị nói một bài kệ để khen ngợi Phật, rồi tùy thuận tu tập. Sau đó, mỗi vị khi mạng chung, liền sinh ra trước Phật. Từ đó đến nay, các vị ấy thường được gặp vô lượng chư Phật; ở trong cõi Phật rộng tu phạm hạnh, đều đắc niệm Phật Tam-muội. Khi đã đắc ngộ thì thường thấy chư Phật hiện tiền, và được thọ ký, thành bậc Chánh giác ở trong mười phương quốc độ. Phật Thiện Đức ở phương Đông đó, chính là ta đây. Còn chư Phật ở chín phương khác, chính là chín người đệ tử trước đó. Do lễ tháp, nói kệ tán thán mười phương chư Phật mà thành tựu đạo quả khắp trong mười phương quốc độ.”

Khi ấy, mười phương chư Phật từ trên không trung phóng ra ngàn tia sáng chiếu soi rực rỡ, lại hiện ra sắc thân tướng tốt bạch hào. Mỗi vị đều ngồi tòa của Phật Thích-ca, và bảo với A-nan rằng:

- Ông nên biết, Phật Thích-ca Văn từng tu tinh tấn vô lượng, chịu trăm ngàn khổ hạnh, cầu trí tuệ Phật, được quả báo ở thân này. Nay vì ông mà diễn thuyết, ông nên vâng giữ lời Phật nói. Trong đời vị lai, hàng Thiên long, bốn chúng đệ tử đều nên quán tưởng hảo của Phật và niệm Phật Tam-muội.

Chư Phật nói lời ấy rồi, đều đến chào hỏi Phật Thích-ca, xong rồi thì mỗi vị đều trở về bản quốc.

PHẦN 6

Trong phần thứ sáu này gồm có ba nội dung chính:

- So sánh mười phương Tịnh độ với cõi Cực lạc.
- Suy rõ nghĩa lý.
- Nói về sự trụ diệt của kinh điển.

I. So Sánh Mười Phương Tịnh Độ Với Tây Phương:

Có ba ý:

1) Theo kinh Tùy Nguyện Vãng Sinh nói: “Mười phương Phật quốc đều rất nghiêm tịnh, tùy nguyện lực của chúng sinh mà được vãng

sinh về đó. Tuy nhiên, tất cả cõi đó đều không bằng với nước Vô Lượng Thọ ở Tây phương.” Ý này là gì? Khi Đức A-di-đà cùng Quán Âm, Thế Chí phát tâm trước tiên, từ cõi này đi đến thế giới kia, đối với chúng sinh ở đây, Phật riêng có duyên, cho nên Đức Thích-Ca tán thán khuyên cầu sinh về đó.

2) Căn cứ vào Đại kinh có nói: “Pháp Tạng Bồ-tát, nơi Phật Thế Nhiều Vương, phát nguyện đầy đủ, xin giữ cõi Tịnh độ. Bấy giờ Phật nhân đó mà thuyết giảng về hai trăm mười ức cõi Phật, cùng nói rõ các cõi tịnh uế, thiện ác của hàng Thiên nhân. Khi ấy Bồ-tát Pháp Tạng, phát nguyện thành Phật ở cõi Tây phương, hiện là nước Cực lạc.”

3) Như trong Kinh quán có nói: “Phu nhân Vi-đề-hy lại cầu thỉnh sinh Tịnh độ. Như Lai phóng hào quang hiện ra mười phương Tịnh quốc.” Vi-đề phu nhân bạch Phật:

- Chư Phật Quốc độ tuy đều thanh tịnh trang nghiêm, đều có ánh sáng tỏ chiếu rực rỡ. Con nay chỉ thỉnh cầu sinh về thế giới Cực lạc của Phật A-di-đà.

Như vậy đủ biết, trong mười phương Quốc độ, thì thế giới An lạc là thù thắng hơn cả.

II. Suy Biện Nghĩa Lý:

Hỏi: Vì sao lại cần phải ngồi xoay mặt về hướng Tây, lễ niệm quán Phật?

Đáp: Vì cõi Diêm-phù-đề được gọi là nơi mặt trời mọc, là sự sống. Mặt trời lặn là tử, mượn đó để gọi đất chết, thần minh thù nhập, cùng tương trợ nhau. Cho nên Bồ-tát Pháp Tạng nguyện thành Phật ở phương Tây, vì lòng Từ bi muốn tiếp độ chúng sinh. Do đó mà ngồi quán lễ niệm hướng về cõi Phật, đó là tùy theo lễ nghi ở đời. Nếu là Thánh nhân được phi báo tự tại, thì không luận phương sở. Nhưng hạng phàm phu, thân tâm cũng tùy theo đó. Nếu hướng các phương khác mà cầu vãng sinh về Tây phương thì khó. Cho nên trong luận Trí Độ nói: “Có một vị Tỳ-kheo, hằng ngày thường tụng kinh A-di-đà và niệm Bát-nhã ba-la-mật. Khi qua đời, Tỳ-kheo bảo với đệ tử: Phật A-di-đà cùng chư Thánh chúng đang ở trước mắt ta. Nói rồi, chấp tay quy y, trong khoảnh khắc liền mạng chung. Chúng đệ tử y pháp làm lễ táng thầy dùng lửa hỏa táng, mọi thứ cháy hết nhưng cái lưôi vẫn còn nguyên, chúng đệ tử thu về xây tháp cúng dường.”

Bồ-tát Long Thọ giải thích: “Người tụng kinh A-di-đà, khi sắp mạng chung, Phật sẽ đến nghênh tiếp. Vì niệm Bát-nhã ba-la-mật, cho

nên thiết căn không cháy.” Lời văn chứng cứ này, đủ biết là tất cả hạnh nghiệp chỉ có thể hồi hướng, không nơi nào mà không vãng sinh. Cho nên, trong kinh Tu-di Tứ Vực có nói: “Trời đất lúc sơ khai, chưa có mặt trời mặt trăng và các vì sao tinh tú. Nếu như có người cõi trời qua lại thì chỉ có thể dùng ánh sáng nơi cổ chiếu ra. Bấy giờ nhân dân phần nhiều sinh khổ não. Lúc ấy, Phật A-di-đà sai hai vị Bồ-tát, một vị tên là Bảo Ứng Thịnh, một vị tên là Bảo Kiết Tường, tức là Phục Hy và Nữ Oa. Hai vị Bồ-tát này cùng thương nghị, hướng về Phạm thiên thứ bảy, lấy ra bảy báu đem đến cõi này, tạo ra vầng nhật nguyệt và hai mươi tám vì sao chiếu sáng khắp thiên hạ; định ra bốn thời Xuân Hạ Thu Đông. Lúc này, hai vị Bồ-tát cùng nói: “Sở dĩ mặt trời mặt, trăng và tinh tú đều nằm hướng Tây là vì tất cả chúng trời người đều cung kính lễ Phật A-di-đà, cho nên nhật nguyệt tinh tú đều xoay về hướng Tây.”

III. Nói Về Sự Trụ Diệt Của Kinh Điển:

Biện kinh trụ diệt: Nghĩa là Đức Thích-ca Như Lai, suốt một đời thuyết pháp, để cho Chánh pháp trụ thế năm trăm năm, Tượng pháp một ngàn năm, Mạt pháp một vạn năm. Khi chúng sinh diệt tận, kinh điển cũng diệt. Như Lai vì thương xót ai mãi chúng sinh, cho nên lưu lại kinh này, để nó được trụ thêm một trăm năm nữa. Lời văn chứng này, đủ biết cõi nước kia tuy là Tịnh độ, nhưng thể thông trên dưới, biết tướng vô tướng, thường sinh vào quả vị trên. Hàng phàm phu ở trong nhà lửa thấy đều quy hướng về đây để phát nguyện cầu vãng sinh.

PHẦN 7

Trong phần thứ bảy này gồm có hai nội dung chính:

- Biện giải về chấp tướng hai cõi, cõi bờ ràng buộc.
- Nói về dụng công tu đạo khinh trọng mà được quả báo chân hay nguy, do đó khuyến tín cầu sinh Tây phương.

I. Nói Về Sự Chấp Tướng Hai Cõi:

Nếu chấp Tây phương tịnh tướng, mau được giải thoát, đốn thọ Cực lạc, trí nhãn khai sáng. Nếu chấp lấy uế tướng ở phương này, thì duy chỉ có vọng lạc, si ám buộc ràng ưu não.

Hỏi: Y vào các bộ kinh Đại thừa, đều nói vô tướng là con đường chính yếu xuất ly. Chấp tướng sẽ làm chướng ngại, không khỏi bị ràng

buộc. Nay khuyên chúng sinh xả bỏ cõi uế độ này mà vui thích cầu sinh Tịnh độ, đó nghĩa là gì?

Đáp: Nghĩa này không nhất định. Vì sao? Phàm tướng có hai loại:

1) Ở trong năm trần dục cảnh vọng ái tham nhiễm, tùy cảnh chấp trước, đây đều là tướng, đều là sự buộc ràng.

2) Vì ưa thích Phật công đức mà nguyện sinh Tịnh độ. Tuy nói là tướng mà tên là giải thoát. Tại sao? Như trong kinh Thập Địa nói. “Bậc sơ địa Bồ-tát còn tự mình quán về Nhị đế; mọi chuyển tâm tác niệm, trước đều y vào tướng mà cầu, cuối cùng thành ra vô tướng. Dần dần tăng tiến lên thế đại Bồ-đề, cho đến địa thứ bảy thì tướng tâm mới bắt đầu dứt, nhập vào Bát địa, tuyệt ở nơi tướng cầu, đó mới gọi là vô công dụng vậy.” Cho nên trong luận nói: “Từ Thất địa trở xuống thì lấy ác tham làm chướng, thiện tham để trị. Từ Bát địa trở lên, thì thiện tham là chướng, vô tham là trị.” Huống gì nay nguyện sinh về Tịnh độ, hiện là ngoại phàm, sở tu thiện căn đều do ưa thích công đức Phật mà sinh ra, há lại cho là phược sao?

Trong kinh Niết-bàn nói: “Chúng sinh có hai loại ái: Một là thiện ái; hai là bất thiện ái. Ái bất thiện đó, chỉ hạng ngu si mới cầu. Ái thiện pháp thì chư Bồ-tát đều cầu.”

Cho nên trong Tịnh độ luận nói: “Quán quốc độ Phật là Thanh tịnh vị; nhiếp thọ chúng sinh là Đại thừa vị, khởi hạnh nguyện là giữ Phật độ vị; trụ trì cứu cánh bất hư là Tác vị. Có vô lượng Phật đạo vị như thế.”

Cho nên, tuy nói là thủ tướng, mà chẳng phải chấp phược. Lại nói, tướng trong cõi Quốc độ đó chính là tướng vô lậu, là tướng thật tướng vậy.

II. Nói Về Từ Sự Dụng Công Khinh Trọng Mà Cảm Quả Báo Chân Hay Ngụy:

Trong nội dung thứ hai này nói về công dụng tu đạo khinh trọng của kia đây mà đạt được quả báo chân ngụy. Nếu muốn phát tâm quy hướng về Tây phương, nếu chỉ có một ít thời lễ quán niệm Phật, tùy thọ mạng dài ngắn, rồi khi lâm chung, Phật phóng quang tiếp dẫn, mau đến cõi kia, chứng vào ngôi vị Bất thoái.

Cho nên trong Đại kinh nói: “Mười phương trời người cầu sinh về nước ta, nếu cứu cánh không đến chỗ diệt độ và có thoái chuyển thì ta không thành Chánh giác.”

Phương này phần nhiều mọi người tu các pháp Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Trí tuệ còn chưa rớt ráo. Từ cả vạn kiếp đến nay, họ chưa bao giờ tránh khỏi bị rơi vào trong nhà lửa điên đảo. Cho nên, gọi đó là sự dụng công mà gặp quả báo nguy tà.

Trong Đại kinh lại nói: “Sinh về nước ta, đó là con đường tắt vượt qua năm ác thú.” Nay ước theo đây để đối lại với Tịnh quốc Di-đà.

Năm đạo ở cõi Ta-bà, đều gọi chung là ác thú như địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh... cõi trời, người ở Ta-bà, do hưởng theo tạp nghiệp, nên cũng gọi là ác thú.

Nếu y vào phương này tu niệm đoạn trừ, trước tiên cần phải đoạn kiến hoặc, lìa hết nhân trong Tam đồ, diệt quả Tam ác đạo. Sau đó đoạn trừ tu hoặc, lìa hết người trong cõi trời người, tuyệt cả quả trời người. Đây chỉ tạm đoạn trừ dần dần, cho nên không thể gọi là đoạn trừ nhanh chóng được. Nếu khi chúng ta được vãng sinh về Tịnh quốc, thì năm đạo trong Ta-bà này sẽ nhất thời dứt bỏ, cho nên gọi là đốn siêu, như vậy năm ác thú đó là dứt hết quả. Ác thú tự nhiên dứt thì nhân cũng dứt. Ý này nói rõ về xa lìa.

Thắng đạo vô cùng cực đó, là nêu bày chỗ sở đắc. Nếu phát nguyện hồi hướng về Tây phương, trên tận hết một đời, dưới cho đến mười niệm, đều được vãng sinh cả. Một khi đến cõi Cực lạc, liền nhập vào chánh định tụ, công đức đồng với một vạn kiếp tu đạo ở đây.

PHẦN 8

Trong phần thứ tám này gồm có ba nội dung chính:

- Nêu kinh dẫn chứng, khuyên bỏ Ta-bà, cầu sinh Tịnh độ.
- So sánh Đức Phật A-di-đà với Phật Thích-ca.
- Giải thích ý nghĩa của vãng sinh.

I. Nêu Kinh Dẫn Chứng, Khuyên Bỏ Ta-Bà, Cầu Sinh Tịnh Độ:

Lược nêu các kinh điển Đại thừa do Phật thuyết để dẫn chứng, nhằm khuyên bỏ đây để cầu sinh kia.

- Trong núi Kỳ-xà-quật, Phật thuyết Đại kinh, gồm hai quyển.
- Ở trong Vương cung Kỳ-xà, Phật hai lần thuyết giảng trọn bộ Quán Vô Lượng Thọ kinh.
- Ở tại thành Xá-vệ, Phật thuyết giảng Tiểu Quyển Vô Lượng

Thọ kinh, và Thập Phương Tùy Nguyễn Vãng Sinh kinh.

- Lại có kinh Vô Lượng Thanh Tịnh Giác, hai quyển, do Phật thuyết.

- Lại có Thập Vãng Sinh kinh, một quyển, do Phật thuyết.

Còn các bộ kinh Đại thừa khác, phần nhiều là tán thán cõi Tịnh độ như “Thỉnh Quán Âm Đại Phẩm kinh” v.v...

Lại có các bộ luận của Bồ-tát Long Thọ, Thiên Thân, tán thán khuyến vãng sinh không phải một; và đều nói mười phương cõi Tịnh độ khác không bằng phương này.

II. So Sánh Đức Phật Thích-Ca Với Đức Phật A-Di-Đà:

Nghĩa là, Phật Thích-ca trụ thế tám mươi năm ở cõi này, tạm đến rồi đi, đi mà không trở lại. Ở đây so với trời Đao lợi thì không bằng một ngày.

Lại nữa, Phật Thích-ca lúc tại thế, việc cầu duyên cũng kém, như đến nước Tỳ-xá-ly cứu người mắc nạn v.v...

Vì sao? Lúc ấy ở nước Tỳ-xá-ly, nhân dân bị năm loại bệnh hiểm nghèo:

- 1) Mắt đỏ như máu.
- 2) Hai tai chảy mủ.
- 3) Mũi ra máu.
- 4) Lưỡi không phát ra tiếng.
- 5) Thức ăn đều bị hóa thành vật thô lậu.

Sáu thức bế tắc, chẳng khác gì kẻ say. Bấy giờ có năm con quỷ Dạ-xoa, hay còn gọi là Hát-nộ-ca-la, mặt đen như mực, có năm mắt, răng nanh lòi ra ngoài, hút tinh khí của người. Dù lương y tài giỏi dùng đủ đạo thuật mà vẫn không thể cứu được.

Khi ấy có vị trưởng giả tên là Nguyệt Cái làm thủ bộ lãnh của bệnh nhân, đều quy về Phật, khấu đầu cầu thỉnh. Bấy giờ Đức Thế Tôn khởi lòng từ bi vô lượng, bảo với người bệnh: “Ở phương Tây có Phật A-di-đà, cùng Quán Thế Âm và Đại Thế Chí Bồ-tát... ông nên chánh tâm hiệp chưởng cầu thỉnh.” Thế là mọi người đều quy hướng về Phật, chấp tay cầu thỉnh.

Bấy giờ, Phật A-di-đà phóng hào quang chiếu sáng, có Quán Âm, và Thế Chí Bồ-tát ở hai bên, nói Đại thần chú, khiến cho tất cả bệnh khổ đều tiêu tan, dân chúng được bình phục trở lại.

Mặc dù thần lực của hai vị Phật đều như nhau, nhưng Thích-ca Như Lai không thể tự mình khuyến tấn, mà muốn tất cả chúng sinh quy

hướng về Cực lạc. Cho nên, Pháp sư Đàm Loan chánh ý cũng quy về Tây phương, nên có làm bài tán trong Đại kinh rằng:

*An lạc Thanh văn, Bồ-tát chúng
Trí tuệ trời người đều thông suốt
Thân tướng trang nghiêm không khác biệt
Chỉ thuận phương khác nên liệt danh
Dung nhan đoan chánh không gì bằng
Tinh vi thân diệu phi trời người
Thân hư vô không có cực thể
Cho nên danh lễ lực bình đẳng.*

III. Giải Thích Ý Nghĩa Vãng Sinh:

Trong nội dung này gồm có hai ý:

- 1) Giải thích ý nghĩa vãng sinh.
- 2) Nêu vấn đáp để làm rõ.

Hỏi: Nay nguyện sinh Tịnh độ, chưa biết ý này thế nào?

Đáp: Chỉ muốn bệnh mau thành, tự lợi lợi tha, lợi vật đều sâu rộng. Hàng Thập tín, Tam hiền đều nhiếp thọ chánh pháp, khế hội bất nhị, kiến chứng Phật tánh, hiểu rõ được thật tướng, quán chiếu tự tâm, hữu vô Nhị đế, nhân quả trước sau, sự ưu liệt trong hàng Thập địa, Tam nhân, Tam đạo, Kim cương vô ngại, chứng đại Niết-bàn, Đại thừa soi sáng rộng lớn, nhưng đều muốn trụ thế lâu dài, để độ tận vô biên sinh tử cho chúng sinh.

Hỏi: Nguyện sinh Tịnh độ, vì muốn lợi lạc chúng hữu tình. Như thế, vì muốn cứu độ chúng sinh trong hiện nay cho nên phát tâm nguyện này. Vậy tại sao đã đắc được tâm này, trước phải nguyện sinh Tịnh độ, gần như là bỏ chúng sinh, tự cầu Bồ-đề An lạc cho riêng mình?

Đáp: Nghĩa này không đồng. Vì sao? Như Trí Độ luận nói: “Như có hai người, đều thấy cha mẹ quyến thuộc của mình rơi vào vực sâu. Một người nhậy xuống hết sức cứu giúp, không đủ sức nên cùng chìm. Một người chạy ra xa, kiếm một chiếc thuyền, bơi vào cứu hộ, nên đều được thoát nạn.”

Bồ-tát cũng như thế, khi chưa phát tâm thì cũng chịu sinh tử lưu chuyển như chúng sinh. Nhưng khi đã phát tâm Bồ-đề, thì trước phải nguyện sinh về Tịnh độ, đem thuyền đại bi, nương pháp biện tài vô ngại, nhập vào biển sinh tử, để cứu độ chúng sinh”.

Đại Trí Độ luận lại nói: “Bồ-tát sinh về Tịnh độ, đầy đủ đại thân thông, biện tài vô ngại, khi giáo hóa chúng sinh, còn không thể khiến

cho họ phát tâm sinh thiện diệt ác, tăng tiến đạo vị, xứng với ý của Bồ-tát. Nếu ở trong cõi uế trước này muốn cứu bạt chúng hữu tình mà không đạt được những điều lợi ích này, thì cũng như bắt gà cho vào nước, lý nào lại không bị ướt?”

*Trong Đại kinh tán thán rằng:
Chư Bồ-tát ở nước An lạc
Có thể tuyên nói tùy trí tuệ
Ở trong vạn vật buông ngã sở
Tịnh như liên hoa không dính trần.
Qua lại dưng tiến nhờ thuyền từ
Lấy việc lợi an cầu lạc đạo,
Kia vẫn còn không đoạn nhị tướng
Nhưng trí tuệ chiếu sáng đêm dài
Tam minh Lục thông đều đầy đủ.
Bồ-tát tâm nhĩ quán vạn hạnh
Như thế công đức vô biên lượng
Cho nên chí tâm nguyện sinh về.*

PHẦN 9

Trong phần thứ chín này có hai nội dung chính:

- Nói về sự đối đãi giữa thiện ác và khổ lạc.
- So sánh làm rõ thọ mạng dài ngắn ở hai cõi.

I. So Sánh Sự Khổ Lạc Và Thiện Ác Ở Hai Cõi:

Trong nội dung này gồm có hai ý:

- 1) So sánh sự khổ lạc, thiện ác.
- 2) Dẫn Đại thừa kinh để chứng minh.

Nói khổ vui thiện ác tương đối đó, tức là ở cõi Ta-bà này tuy là có quả báo khổ vui, nhưng thường vui ít khổ nhiều. Nặng thì ba đường thống khổ, nhẹ thì ở cõi trời người chịu cảnh binh đao, bệnh tật không ngừng xảy ra. Từ vô lượng kiếp đến nay, không có lúc nào đoạn dứt. Giả như ở cõi trời người có chút điều vui, thì cũng là chút ánh điện quang bèo bọt, mau khởi thì mau diệt, cho nên gọi là duy khổ duy ác. Cõi Tịnh quốc của Phật A-di-đà, các loại chim, nước, cây, rừng thường diễn ra pháp âm, minh tuyên đạo giáo, có đầy đủ sự trong sạch, có thể khiến cho người ngộ nhập.

Dẫn Thánh giáo ra để làm chứng.

Trong Tịnh độ luận nói: “Nếu người trời trong mười phương quốc độ được sinh về nước kia, tất sẽ cùng tịnh tâm như Bồ-tát không hai. Tịnh tâm Bồ-tát tất sẽ cùng Thượng địa Bồ-tát cuối cùng đạt được tịch diệt nhãn, không còn thoái chuyển.”

Lại dẫn chứng bốn mươi tám lời nguyện trong Đại kinh, thì có năm điều lợi ích là:

Trong Đại kinh nói: “Nếu có chúng sinh trong mười phương sinh về nước ta, nếu không được thân chân kim sắc, thì ta không thành Chánh giác.”

Lại nói: “Mười phương trời người sinh về nước ta, nếu hình sắc không đồng, có sự tốt xấu, thì ta không thành Chánh giác.”

Hoặc nói: “Mười phương chúng sinh sinh về nước ta, nếu không đắc được Túc mạng trí, cho đến không biết việc trong trăm ngàn ức na-do-tha kiếp thì ta không thành Chánh giác.”

Lại nói: Mười phương trời người sinh về nước ta, nếu không đắc được Thiên nhĩ thông, cho đến không nghe trăm ngàn vạn ức na-do-tha pháp chư Phật thuyết, không được thọ trì, thì ta không thành Chánh giác.”

Lại nói: “Mười phương chúng sinh sinh về nước ta, nếu không đắc được Tha tâm trí, không biết tâm niệm chúng sinh trong trăm ngàn ức na-do-tha chư Phật thì ta không thành Chánh giác.”

Như vậy, muốn luận về sự lợi ích ở nước kia, thì khó mà nêu hết, chỉ nguyện sinh về cũng là chẳng thể nghĩ bàn. Cho nên, cõi Tịnh độ kia duy chỉ có việc thiện việc vui, không có sự khổ, sự ác xấu vậy.

II. Nói Về Thọ Mạng Dài Ngắn:

Phương này thọ mạng cao nhất cũng không quá trăm năm. Trong trăm năm đó, ít tăng mà phần nhiều lại giảm. Nhẫn đến tuổi nhỏ cũng bị mất thân, hoặc hư thai, đọa thai. Ý này là thế nào? Bởi do nhân chúng sinh tạo là nhân tạp, nên sự thọ báo cũng không đồng đều. Trong kinh Niết-bàn có nói: “Tạo nghiệp đen thì quả báo cũng đen, tạo nghiệp trắng thì quả báo sẽ trắng. Sự thanh tịnh và tạp loạn cũng như thế.”

Lại căn cứ vào kinh Tịnh độ Bồ-tát nói: “Người thọ trăm tuổi, thì hết một nửa là ban đêm, tức là giảm năm mươi năm. Trong năm mươi năm đó, mười lăm năm về trước chưa biết các điều thiện ác. Từ tám đến mười năm về sau thì hôn tưởng ám độn. Cho nên thọ lão là khổ. Ngoài số năm này ra thì chỉ có mười lăm năm là có sự hiểu biết; ở trong, ngoài

thì vua quan bức bách, trường chinh phòng ngự xa xôi, hoặc bị ràng buộc trong chốn lao ngục. Trong thì nhà cửa kiết hung, các điều phiền hoặc buộc ràng, mong cầu không đủ.”

Qua đây có thể thấy được mấy lúc để tu đạo nghiệp chẳng? Tư duy như vậy, há không thương cảm ư? Vì sao không nhàm chán?

Lại kinh kia có nói: “Người sinh ở thế gian, trải qua một ngày một đêm, có tám ức bốn ngàn vạn niệm. Nếu một niệm khởi ác thì thọ thân ác; mười niệm khởi ác thì mười lần sinh ra ác thân; trăm niệm khởi ác thì thọ trăm lần ác thân. Tính ra thì một đời chúng sinh, trong trăm năm nghĩ ác, ác đó đầy khắp trong ba ngàn quốc độ, thọ muôn ác thân. Ác pháp đã vậy thì thiện pháp cũng vậy. Thọ một thân thiện do khởi lên một niệm thiện; thọ trăm thân thiện là do khởi lên một trăm niệm thiện. Tính ra, trong một đời chúng sinh, trong trăm năm niệm thiện, thọ ba ngàn quốc độ thân thiện cũng thế. Nếu có được mười năm, năm năm niệm danh hiệu Phật A-di-đà, hoặc nhiều năm hơn nữa, thì đời sau sẽ sinh về nước Vô lượng thọ, tức sẽ thọ được Pháp thân Tịnh độ, hằng hà sa vô tận không thể nghĩ bàn vậy.

Nay trong cõi uest trước ngấn ngủi này, mạng báo không lâu xa, nếu sinh về tịnh quốc A-di-đà, thọ mạng dài lâu không thể tính biết. Cho nên trong kinh Vô Lượng Thọ có nói:

Phật bảo Xá-lợi-phất:

- Phật kia vì sao lại gọi là A-di-đà? Xá-lợi-phất, mười phương chúng sinh vãng sinh về nước kia, thọ mạng thật là dài lâu đến trăm ngàn kiếp, bằng với Phật đó, cho nên hiệu là A-di-đà.

Do đây, nên biết sự lợi ích rất lớn, đều nên nguyện vãng sinh về vậy.

Lại trong Thiện Vương Hoàng Đế Tôn kinh nói: “Có người học đạo muốn cầu vãng sinh về nước Cực lạc của Phật A-di-đà, nhớ nghĩ cả ngày đêm, hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày cho đến sáu ngày, bảy ngày. Nếu trong thời gian đó có ý hối hận, chỉ cần nghe ta nói về công đức Thiện Vương, khi mạng gần dứt, có tám vị Bồ-tát đều đến tiếp rước, dẫn người này về cõi Tây phương của Phật A-di-đà, trọn không thể dừng.”

Từ đây trở xuống, lại dẫn lời kệ trong Đại kinh ra để làm chứng.

Lời tán thán rằng:

*Nếu chúng sinh cầu sinh An lạc
Tất đầy đủ ba mươi hai tướng
Trí tuệ viên mãn pháp sâu xa,*

*Tuyên xướng yếu đạo không chướng ngại.
 Tùy căn lợi độn thành tựu nhĩn
 Tam nhĩn cho đến bất khả thuyết
 Túc mạng Ngũ thông thường tự tại
 Đến thành Phật không còn sinh ác thú
 Trì hết các cội trước ác thế,
 Thị hiện đồng như Đại Mâu Ni
 Sinh nước An lạc thành lợi lớn
 Cho nên chí tâm nguyện sinh về.*

PHẦN 10

Trong phần thứ mười này gồm có hai nội dung chính:
 - Dẫn Đại kinh để chứng minh.
 - Giải thích ý nghĩa hồi hướng.

I. Dẫn Đại Kinh Để Chứng Minh:

Mười phương chư Phật đều khuyên chúng sinh cầu sinh về Tây phương; mười phương Bồ-tát đều cầu sinh về; hàng trời người mười phương đều có ý quy hướng về. Cho nên biết, đó là việc chẳng thể nghĩ bàn vậy. Trong Đại kinh lại có lời tán thán rằng:

*Thần lực vô cực A-di-đà
 Chư Phật mười phương đều khen ngợi
 Hàng sa cội Phật ở phương Đông.
 Vô số Bồ-tát cùng đến đây.
 Cúng dường công đức nước An lạc
 Chư Đại chúng Bồ-tát, Thanh văn
 Nghe thọ kinh pháp cùng tuyên hóa
 Nơi chín cội khác cũng như thế.*

II. Giải Thích Nghĩa Hồi Hướng:

Vì tất cả chúng sinh vốn đã có Phật tánh, người người đều nguyện thành Phật tâm. Nhưng y vào hạnh nghiệp sở tu, chưa đủ một vạn kiếp trở lại đây, vẫn còn chưa ra khỏi nhà lửa, chưa tránh khỏi luân hồi. Cho nên, bậc Thánh giả thương chúng sinh khổ mãi trong sinh tử, nên khuyên phát tâm hồi hướng về Tây phương để thành tựu lợi ích lớn. Nhưng công đức hồi hướng không vượt qua được sáu điều. Sáu điều hồi

hương ấy gồm những gì?

1) Dem công đức hạnh tu hồi hương về cõi Phật A-di-đà. Một khi đã đến nước kia, đắc được Lục thông thì trở lại cứu độ chúng sinh. Đây tức là bất trụ đạo.

2) Hồi nhân hương quả.

3) Hồi hạ hương thượng.

4) Hồi chậm hương mau, tức là không trụ thế gian.

5) Hồi thí bi nguyện hương về chúng sinh tu thiện.

6) Hồi nhập tâm không phân biệt.

Công lực hồi hương chỉ thành tựu sáu pháp này. Cho nên, trong Đại kinh nói: “Nếu có chúng sinh, sinh về nước ta, tự nhiên sẽ được thắng tiến siêu xuất mọi hạnh nghiệp tầm thường trong các cõi thế gian. Cho đến khi thành tựu Phật đạo cũng không mắc nạn hồi phục thoái chuyển.”

Trong Đại kinh có bài tán thán rằng:

*Chúng Thanh văn, Bồ-tát cõi An lạc,
Ở thế giới này không sánh kịp,
Biện tài vô ngại Đức Thích-ca,
Ở đây khai thị chỉ ít phần.
Như kẻ nghèo hèn so Đế vương,
Đế Vương sánh với Kim Luân vương,
Như thế lần hồi đến lục Thiên,
Thứ bậc các loại đều như thế.
Lấy trời sắc giới dụ cho kia,
Muôn vạn ức lần chẳng thể bì,
Đều do nguyện lực của Pháp Tạng,
Cúi đầu đánh lễ đức đại tâm.*

PHẦN 11

Có hai nội dung:

- Khuyên tất cả chúng sinh, nương vào Thiện tri thức khởi tâm hương về Tây phương.

- Sau khi chết, nói về thắng, liệt của sinh duyên.

I. Khuyên Nương Vào Thiện Tri Thức:

Khuyên nương vào Thiện tri thức là y vào kinh Pháp Cú nói: “Làm

Thiện tri thức của chúng sinh. Có Bồ-tát Bảo Minh bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vì sao gọi là Thiện tri thức?

Phật bảo: Thiện tri thức là người có thể nói được thâm pháp là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Các pháp đều bình đẳng, không nghiệp thì không báo, không nhân thì không quả, cứu cánh như như, trụ ở nơi thật tế. Nhưng ở trong chỗ cứu cánh Không, kiến lập rõ ràng tất cả pháp, đó là Thiện tri thức. Thiện tri thức là cha mẹ của ông, nuôi dưỡng thân Bồ-đề cho ông. Thiện tri thức là con mắt của ông, có thể giúp ông thấy được tất cả con đường thiện ác. Thiện tri thức là chiếc thuyền lớn của ông, đưa ông vượt qua biển khổ sinh tử. Thiện tri thức là sợi dây thừng có thể kéo ông ra khỏi sinh tử ác đạo.”

Lại khuyên: Tuy vì chúng sinh làm bậc Thiện tri thức, tất cũng cầu quy về Tây phương. Vì sao? Do ở trong nhà lửa, cảnh trái thuận rất nhiều, lại có nhiều sự thối đọa, khó mà ra khỏi được. Cho nên ngài Xá-lợi-phất ở đây phát tâm tu Bồ-tát hạnh, đã trải qua sáu mươi kiếp, nhưng có lần gặp ác tri thức xin mất, do đó mà tâm ngài thoái chuyển. Cho nên biết là ở trong nhà lửa sự tu đạo rất khó. Vậy khuyên mọi người cùng quay về Tây phương. Một khi được vãng sinh, thì Tam học tự nhiên thắng tiến, vạn hạnh đều phổ bị. Cho nên trong Đại kinh nói: “Nơi cõi Di-đà tịnh quốc không tạo ác nghiệp, dù bằng cọng lông tóc.”

II. Nói Về Chúng Sinh Sau Khi Chết Sinh Cõi Thắng Liệt:

Chúng sinh ở đây khi thọ mạng dứt, đều nương theo hai nghiệp thiện ác, hằng vì sinh mạng mà trôi lăn trong ngục phiền não vọng tưởng. Việc thọ sinh qua lại trong Lục đạo từ vô lượng kiếp đến nay chưa từng tránh khỏi. Nếu có thể sinh tín quy hướng Tịnh độ, sách tấn chuyên tu, thì khi lâm chung, Phật A-di-đà cùng Quán Âm, Thánh chúng, phóng hào quang đến tiếp dẫn. Hành giả rất hoan hỷ, nương theo ánh sáng chấp tay bước lên đài, trong khoảnh khắc liền vãng sinh về cõi An lạc, tu hành cho đến thành bậc Chánh giác.

Lại vì tất cả chúng sinh tạo nghiệp không đồng. Nghiệp có ba loại là Thượng, Trung, Hạ. Tất cả đều do Diêm-la phán quyết. Nếu người có nhân duyên tin Phật, thì nên nguyện sinh về Tịnh độ, đem tất cả hạnh nghiệp tu tập để hồi hướng cầu vãng sinh; đến khi lâm chung Phật sẽ nghênh đón về Tây, không còn ở trong sinh tử.

PHẦN 12

Trong phần thứ mười hai này chỉ có một nội dung, tức lấy kinh Thập Vãng Sinh làm chứng để khuyên cầu vãng sinh. Như Phật nói, sinh về nước Tịnh độ của Phật A-di-đà, và vì đại chúng thuyết quán thân chánh niệm giải thoát.

Trong Thập Vãng Sinh kinh có nói:

A-nan bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Pháp quán thân của tất cả chúng sinh là thế nào? Nguyên xin Đức Thế Tôn nói rõ?

Phật bảo: Pháp quán thân, là không quán Đông tây, không quán Nam bắc, không quán bốn phương trên dưới, không quán hư không, không quán ngoại duyên, không quán nội duyên, không quán thân sắc, không quán sắc thanh, không quán sắc tượng, duy chỉ quán vô duyên, đó mới là pháp quán thân chân chánh vậy. Pháp quán thân này mười phương đều mong cầu, nơi nơi chỗ chỗ đều không phân biệt pháp mà được giải thoát.

Phật lại bảo A-nan:

- Chỉ tự quán thân, thì thiện lực sẽ tự nhiên, chánh niệm tự nhiên, giải thoát tự nhiên. Vì sao? Ví như có người tinh tấn trực tâm mà được chánh giải thoát, kẻ đó không cần giải thoát thì giải thoát cũng tự đến.

A-nan lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chúng sinh ở thế gian, nếu có chánh niệm giải thoát như thế, thì không còn rơi vào ba đường ác.

Phật bảo A-nan:

- Chúng sinh ở thế gian không được giải thoát. Vì sao? Vì do đa hư mà ít thật, không có chánh niệm, do đó mà sa vào địa ngục thì nhiều mà sự giải thoát thì ít. Ví như có người đối với cha mẹ và sư tăng, bên ngoài thì tỏ ra hiếu thuận mà bên trong thì bất kính. Ngoài thì ra vẻ tinh thuần, trong thì không thật. Người này quả báo chưa đến, nhưng con đường tam ác nào có cách xa. Không có chánh niệm thì không được giải thoát.

A-nan lại bạch Phật:

- Như vậy thì cần tu thiện căn nào để được giải thoát?

Phật bảo A-nan:

- Ông nên lắng nghe, ta nay vì ông mà diễn nói về mười pháp vãng sinh có thể đạt được sự giải thoát. Những gì là mười pháp?

1) Quán thân chánh niệm, thường ôm lòng hoan hỷ. Đem thức ăn, y phục cúng dường Phật và chư Tăng, phát nguyện vãng sinh về nước An lạc.

2) Chánh niệm đem các loại thuốc men lương dược cúng thí cho Tỳ-kheo và người bệnh, cầu vãng sinh về Tịnh quốc.

3) Chánh niệm bất hoại sinh mạng, đem lòng Từ bi ban trả tất cả, cầu sinh về nước An lạc.

4) Chánh niệm lãnh thọ giới pháp với thầy, pháp tuệ tịnh tu phạm hạnh, tâm thương ôm lòng hoan hỷ, cầu vãng sinh về nước An lạc.

5) Chánh niệm hiếu thuận đối với cha mẹ, kính phụng Sư trưởng, không khởi tâm kiêu mạn, cầu vãng sinh An lạc quốc.

6) Chánh niệm qua lại Tăng phòng, cung kính đối với tháp tự, nghe pháp hiểu nghĩa, cầu vãng sinh nước An lạc.

7) Chánh niệm trong một ngày một đêm, thọ trì tám trai giới, không phá một giới nào, cầu vãng sinh nước An lạc.

8) Chánh niệm giữ trai giới một tháng, một ngày, xa rời phòng xá, thường nghe pháp ở bậc thiện sư, cầu vãng sinh nước An lạc.

9) Chánh niệm thường trì tịnh giới, khuyến tu thiện định, hộ pháp không hề có ác khẩu. Nếu hành trì như thế, tất được vãng sinh về nước An lạc.

10) Chánh niệm ở trong đạo Vô thượng, không khởi tâm phỉ báng, tinh tấn trì tịnh giới, lại đem kinh pháp lưu hành, khuyến hóa người vô trí, giáo hóa vô lượng chúng sinh, người như thế tất cả được vãng sinh.

Bấy giờ, trong tăng có một vị Bồ-tát tên là Sơn Hải Huệ, bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nước Cực lạc kia vì sao lại có các việc diệu lạc thù thắng, và tất cả chúng sinh đều nguyện sinh về?

Khi ấy, Phật bảo Bồ-tát Sơn Hải Huệ rằng:

- Ông nên chánh thân chấp tay niệm Phật hướng về Tây phương, chánh niệm quán nước Cực lạc của Phật A-di-đà, nguyện trông thấy Phật.

Bấy giờ, tất cả đại chúng cũng chấp tay khởi niệm quán Phật A-di-đà. Thế là Phật A-di-đà hiện ra Đại thần thông, phóng ánh quang minh, chiếu sáng khắp thân của Bồ-tát Sơn Hải Huệ. Bồ-tát cùng chư Đại chúng cũng nhìn thấy cõi nước Cực lạc và Phật, cùng các việc trang nghiêm diệu hảo. Khắp cõi Cực lạc đều là bảy báu, núi bảy báu, Quốc độ bảy báu, nước chim cây rừng thường diễn nói pháp âm. Cõi nước kia hằng ngày thường chuyển pháp luân, nhân dân không học theo ngoại sự, chánh tu nội điển. Miệng nói pháp Phương đẳng, tai nghe tiếng Phương đẳng, tâm giải nghĩa Phương đẳng.

Bấy giờ, Bồ-tát Sơn Hải Huệ bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con nay được trông thấy cõi nước kia thật là thắng diệu, lợi ích không thể nghĩ bàn. Con nay nguyện cho tất cả chúng sinh đều được vãng sinh, sau đó con cũng phát nguyện sinh về đó.

Phật thọ ký và nói:

- Chánh quán, chánh niệm thì được chánh giải thoát, tất cả đều được vãng sinh. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, đem sự chánh tín ái lạc kinh này khuyến hóa chúng sinh, thì người nói người nghe đều được vãng sinh. Nếu có những người như thế, ta sẽ khiến cho hai mươi lăm vị Bồ-tát theo hộ trì, làm cho người đó không còn bệnh nào. Nếu người hay loài phi nhân không làm hại được, hành trụ tọa ngọa, bất kể ngày đêm, đều được an ổn.

Bồ-tát Sơn Hải Huệ bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Con nay lãnh thọ lời của Thế Tôn, không dám có lòng nghi. Nhưng nếu có chúng sinh nào, phần lớn ưa tranh chấp phỉ báng, không tin kinh pháp, thì về sau như thế nào?

Phật bảo: Về sau, ở trong cõi Diêm-phù-đề này, nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni thấy người đọc tụng kinh điển, hoặc có tướng sân giận, ôm lòng hủy báng, do sự hủy báng chánh pháp này thì người đó hiện ra thân tướng trọng bệnh xấu xa, thân căn không đầy đủ, cảm ngọn đui điếc, gặp các loài quỷ mị, ngồi đứng không an, cầu sống không được, cầu chết không xong. Hoặc có chết liền đọa vào địa ngục, ở trong tám vạn kiếp chịu đại khổ não, trăm ngàn vạn đời chưa từng nghe tiếng ăn uống. Sau khi ra khỏi địa ngục, đọa vào trong các loài trâu ngựa heo dê, bị người giết hại, chịu thống khổ vô cùng. Sau đó được làm người, thường sinh vào chốn hạ tiện, trăm ngàn muôn kiếp không được tự tại, vĩnh viễn không nghe được Tam bảo. Cho nên, với người vô trí vô tín không nên nói kinh này.

Soạn tập lưu thông đức

Phổ thí khắp tất cả

Trước phát tâm Bồ-đề

Đồng quy hướng Tịnh quốc

Đều cùng thành Phật đạo.

Tập này có cả kim lẫn cổ, bản cổ thời có nhiều chỗ sai lầm mà đang hiện hành ở đời. Bao gồm sáu quyển:

- Khoan Nguyên (Vãng Thành in).
- Hoàng An (Ngộ A in lại, nay gọi là cổ bản).
- Chánh Bảo, Minh Lịch, Khoan Văn (Ba bản này đều lấy cổ bản làm chuẩn).

Nguyên Lộc (do ngài Nghĩa Sơn khắc gọi là các bản hiệu, tầm hồng... sửa chữa lại văn tự nay gọi là Sơn bản). Lại chỉ có Kỳ Dương đã in một bản (nay gọi là Kỳ Dương bản, chẳng phân biệt theo điều đã ghi chép). Những quyển khác thì phần âm nghĩa của Huệ Lâm trở về sau các nhà chú giải cũng không làm rõ ràng, thường thường thì mỗi nhà biện biệt về Ngự Lỗ ắt có đôi chỗ thiếu sót. Chỉ đến khi lão sư Bổn Lập nổi nhau qua đời thì học thuyết của hai vị giảng chủ được diễn rộng rãi, bèn đính chính lại bản sai lầm để làm căn cứ mà phân biệt rõ, hai bậc kỳ lão đồng thất đó là Phương Sơn và Tăng Phát, mỗi vị bỏ vào chỗ sai sót của mình. Ngõ hầu gặp được cội nguồn của Song Hà và đã từng nói với lão sư bổn lập rằng: in ấn tử mi tập này để nối thanh ý sư. Việc làm ấy mong một ngày nào đó được hoàn mãn tốt đẹp mà Tịch Lão sư tôi là tiên sư của nghĩa huynh tiên sư, cũng có chí hiệu đính và khắc in. Song ngài đã về già, mong ngài chấp nhận. Bởi khi thân này, đã trở thành tuổi già xế bóng thì hẳng phải nương nhờ quyển thuộc của mình. Đối với kẻ bất tiểu này vẫn nhớ việc ấy. Than ôi! Phác tôi là kẻ vô danh tiểu tốt nên không dám đương việc này, nhưng vì hoài bão của người quá cố nên không nỡ chối từ. Miễn cưỡng chấp nhận, bởi huyễn duyên xưa nay làm lao nhọc thân thể mà cũng hay bệnh hoạn, ốm yếu, thắm thoát đã ba canh và tang chế đã xong, bất giác mũi lòng tham rằng: Hai bị lão sư đã quy tịch mà một quyển cũng chưa khắc vào gỗ. Than ôi! Trong chuyện ấy có liên quan gì đến chuyện này, mà hoài bão của người mất không phải như vậy. Tuy Phác tôi là kẻ bất tiểu, đâu đủ can đảm phước bỏ. Thế thì đối với bản thân sao không tự dẫn đo để gắng gỏi làm việc, lại dựa cả vào bản hiệu đính lại của Diển Từ Viện.

Phán Thích và hiệu đính rõ lại những bản dị đồng, đồng thời sửa đổi cho văn nghĩa ăn khớp, thì tôi đâu dám. Còn trích những điểm thiết yếu đã sửa chữa thì tôi tự xét mình chưa được hoàn hảo như hai sư kia. Phác tôi đã phụ lòng ân sư vì đã không bằng quý ngài, mong rằng những người cùng chí hướng trong thiên hạ duyệt lại (gọt bớt hoặc thêm vào).

Khoan Chánh, Long tập thứ bảy, mùa thu năm Kỷ Mão.

Nam Hồ, Song Vinh huyễn trụ Thích Long Khê Phác Tố Khâm

Thức.

Hai quyển Khoan Nguyên trong một tập An lạc trở về sau in ấn trang nhã để lưu hành ở đời, song văn nghĩa trong đó có sai lầm, nay ngần ấy bốn, tụ hội trong Hoàn Xuyên quán như Tam Tỉnh Tôn Hoàng. Mã Vỹ Minh Huệ, Căn Lai Thâm Uyên, Mặc Cốc Huệ Trấn... chọt gập để cùng đối chiếu với bốn kia. Song lúc đó không biện biệt mà chỉ phán bỏ cả phần kia nay để làm một bốn. Thế mà vẫn còn do dự chưa dám quyết trạch, vậy thì để mặc cho người học đời sau vậy. Còn ngắt câu (phẩy) mà kèm tứ thanh để khiến cho người đọc được dễ dàng.

Ngày 25 tháng giêng năm Bính Dần thứ 11 Nguyên Lộc. Thích Nghĩa Sơn ở Thiên Liên xã tập hợp để in ấn.